

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **49/2020/HS-ST**
Ngày 21- 7- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Trứ.

Ông Nguyễn Xuân Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Tuấn A**, sinh năm 1988 tại thị trấn T, huyện H, tỉnh B. Nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh B; Nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: N; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt N; con ông: Vũ Văn B, sinh năm 1962 và bà: Trần Thị Thu T, sinh năm 1969; vợ: chưa có; con: chưa có con; tiền án: Ngày 30/12/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/10/2018, chưa chấp hành việc bồi thường dân sự và án phí, đến nay chưa được xóa án tích); tiền sự: không; nhân thân: Ngày 29/11/2013 bị Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội xử phạt 26 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/7/2014, chấp hành xong phần án phí ngày 12/4/2014); Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/4/2020 đến nay. Hiện đang bị tạm giam- Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh Dương Văn N, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh B - Vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2002; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt

3. Anh Dương Văn H, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt

4. Anh La Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn C, xã X, huyện H, tỉnh B- Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Dương Văn T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn V, thị trấn T, huyện H, tỉnh B - Vắng mặt

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị V- Chủ tịch Hội đồng; bà Vũ Thị V- thành viên thường trực; ông Nguyễn Hữu Q- thành viên; ông Trần Đình H- thành viên; ông Bùi Đức C- thành viên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Tuấn A, sinh năm 1988 trú tại tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện H, tỉnh B là đối tượng nghiện ma túy, thường xuyên có hành vi trộm cắp tài sản gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Trong khoảng thời gian từ ngày 15/02/2020 đến ngày 05/4/2020, Vũ Tuấn A đã thực hiện nhiều hành vi chiếm đoạt tài sản, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất, hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:

Do có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thông qua bạn bè giới thiệu nên Vũ Tuấn A được anh Dương Văn N, sinh năm 1989 trú tại Thôn A, xã H, huyện H, tỉnh B là Giám đốc Công ty cổ phần Đồng – T Việt Nhật liên lạc, tư vấn nhiều lần qua điện thoại. Khoảng 20 giờ ngày 15/02/2020, anh N gọi điện mời Tuấn A đi uống bia cùng để trao đổi về vấn đề xuất khẩu lao động thì Tuấn A hẹn gặp anh N ở quán cà phê Hoàng Giang có địa chỉ tại: Tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Anh N đồng ý và cùng bạn là anh Trần Văn L, sinh năm 1990 trú tại thôn B, xã H, huyện H, tỉnh B đến quán cà phê Hoàng Giang gặp Tuấn A. Đến nơi, ba người nói chuyện được một lúc thì Tuấn A thấy có bạn là anh Phạm Quang H, sinh năm 1980 trú tại tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện H cũng đến quán cà phê Hoàng Giang uống nước nên đã gọi vào ngồi uống nước cùng. Sau đó, Tuấn A và anh N tiếp tục nói chuyện về vấn đề đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trong lúc ngồi nói chuyện, anh N có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng ở trên bàn. Một lát sau, Tuấn A nói với

anh N rằng muốn gọi điện thoại cho bố đến để bàn chuyện cụ thể hơn với anh N. Tuấn A đi ra phía sân quán lấy điện thoại ra để gọi cho bố thì điện thoại báo pin yếu. Tuấn A quay vào, bảo anh H cho mượn điện thoại di động để gọi cho bố. Đúng lúc này, điện thoại anh H báo có cuộc gọi đến từ ứng dụng Zalo nên anh H đứng dậy đi ra ngoài nghe điện thoại. Thấy thế, anh N bảo với Tuấn A là “Lấy điện thoại của em mà gọi”. Thấy anh N nói vậy, Tuấn A nảy sinh ngay ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh N. Anh N mở khóa màn hình điện thoại và bảo Tuấn A đọc số điện thoại của bố để anh N nhập vào máy. Do có ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên của anh N từ trước nên Tuấn A đã đọc một số điện thoại giả, không phải số điện thoại của bố Tuấn A. Anh N nhập số điện thoại mà Tuấn A vừa đọc vào máy, ấn nút gọi rồi đưa chiếc điện thoại cho Tuấn A. Tuấn A cầm chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu hồng của anh N đưa cho, đưa lên tai nghe thấy điện thoại báo số này không tồn tại nhưng vẫn quay ra ngoài, giả vờ nói to “Alo, bố à” để anh N tin là Tuấn A gọi điện cho bố thật. Tuấn A vừa đi vừa giả vờ nói rồi đi dần ra phía cửa quán cà phê Hoàng Giang và nhanh chóng rời khỏi quán. Sau đó, Tuấn A tắt nguồn điện thoại của anh N, dùng điện thoại của mình gọi điện cho anh H, hẹn anh H đến bên xe cũ huyện Hiệp Hòa để nhờ tí việc. Đến nơi, Tuấn A bảo anh H đi bán hộ chiếc điện thoại mà Tuấn A vừa chiếm đoạt được của anh N. Anh H đồng ý và mang chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu hồng của anh N đến cửa hàng điện thoại “Thành Long Mobile” ở thôn D, thị trấn T, huyện H do anh Nghiêm Xuân T, sinh năm 1991 là chủ quán bán được 1.300.000 đồng. Sau đó, anh H gọi điện thông báo cho Tuấn A biết là bán được điện thoại với số tiền 1.100.000 đồng. Số tiền trên Tuấn A và anh H đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ hai, hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”:

Khoảng 14 giờ ngày 22/3/2020, Vũ Tuấn A một mình đi bộ đến Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa mục đích thấy ai sơ hở thì chiếm đoạt tài sản. Tuấn A đến khoa ngoại tổng hợp rồi đi qua lan can vào khu vực phía sau gần nhà vệ sinh. Sau đó, Tuấn A mở cửa sau của phòng bệnh số 8 ở tầng 1 thuộc khoa ngoại tổng hợp rồi đi vào trong phòng. Tuấn A quan sát thấy không có ai ở trong phòng bệnh nên Tuấn A ngồi tại giường bệnh phía trong cùng bên trái theo hướng từ cửa chính nhìn vào. Ngồi được một lúc thì Tuấn A thấy anh La Văn H, sinh năm 1976 trú tại Thôn C, xã X, huyện H đi vào trong phòng và ngồi tại giường bệnh đối diện với giường bệnh Tuấn A đang ngồi. Lúc này, Tuấn A thấy tay anh H bị thương, đang băng bó. Nhìn thấy Tuấn A, anh H hỏi “Bệnh nhân à”, Tuấn A trả lời “Không, em là người nhà”. Sau đó, anh K là bệnh nhân ở cùng phòng bệnh với anh H cũng đi vào. Anh H cầm 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng trên tay và cùng anh K xem hình ảnh chụp Xquang của anh H trong điện thoại. Tuấn A ngồi đối diện và nghe được mật khẩu chiếc điện thoại của anh H là “6666”. Thấy anh H và anh K xem hình ảnh chụp Xquang nên Tuấn A cũng muốn xem. Tuấn A bảo anh H “cho cháu xem nào”, anh H đồng ý và đưa chiếc điện thoại di động nhãn

hiệu Iphone 6s màu hồng cho Tuấn A. Khi Tuấn A đang cầm điện thoại của anh H xem ảnh thì có các bác sĩ vào trong buồng bệnh số 8 để tiêm thuốc cho anh H. Lúc này, anh H nằm xuống giường để tiêm thuốc. Thấy vậy, Tuấn A đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại trên của anh H. Quan sát thấy anh H và anh K không để ý, Tuấn A cầm điện thoại nhanh chóng ra khỏi phòng bệnh số 8, dứt điện thoại vào túi quần rồi rời khỏi Trung T Y tế huyện Hiệp Hòa. Ra khỏi Trung T Y tế huyện Hiệp Hòa, Tuấn A tắt nguồn chiếc điện thoại vừa chiếm đoạt được của anh H, dùng tấm tre có sẵn trong túi quần tháo sim vứt đi rồi mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại “T Huyền mobile” ở thôn H Thịnh, thị trấn T, huyện H do anh Dương Văn T, sinh năm 1990 trú tại Thôn N, xã N, huyện H làm chủ bán cho anh T được 1.400.000 đồng. Số tiền trên Tuấn A đã tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ ba, hành vi “Trộm cắp tài sản”:

Khoảng 23 giờ ngày 26/3/2020, Vũ Tuấn A một mình đi bộ đến Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa mục đích thấy ai sơ hở thì chiếm đoạt tài sản. Tuấn A đến khoa Nội, đi theo lối đi ở đầu hồi bên phải vào tầng 1. Khi đi qua buồng bệnh số A5, thấy cửa ra vào mở, bên trong có một số người đang ngủ, Tuấn A dừng lại quan sát thì thấy ở trên giường bệnh đầu tiên phía bên trái theo hướng từ cửa chính đi vào không có người nằm có để 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu trắng bạc. Chiếc điện thoại trên là của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2002, trú tại Thôn N, xã N, huyện H. Tuấn A lén lút đi vào buồng bệnh số A5, đến vị trí để chiếc điện thoại Iphone 6 màu trắng bạc, cầm điện thoại dứt vào túi rồi nhanh chóng rời khỏi Trung T y tế huyện Hiệp Hòa. Ra khỏi Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa, Tuấn A tắt nguồn chiếc điện thoại trên, tháo sim vứt đi rồi mang điện thoại về nhà ngủ. Đến khoảng 09 giờ ngày 27/3/2020, Tuấn A mang chiếc điện thoại đã trộm cắp được của chị T đến cửa hàng điện thoại “T Huyền mobile” ở thôn H Thịnh, Thị trấn T, huyện H do anh Dương Văn T, sinh năm 1990 trú tại Thôn N, xã N, huyện H làm chủ bán cho anh T được 450.000 đồng. Số tiền trên Tuấn A đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 09/4/2020, anh Dương Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng bạc, số IMEI: 354448060908186.

Vụ thứ tư, hành vi “Trộm cắp tài sản”:

Khoảng 03 giờ ngày 05/4/2020, Vũ Tuấn A một mình đi bộ đến Trung tâm Y tế huyện H rồi đi vào tầng 1 của Khoa ngoại tổng hợp mục đích thấy ai sơ hở thì chiếm đoạt tài sản. Khi đi qua buồng bệnh số 11, Tuấn A thấy cửa chính buồng bệnh đóng, cửa sổ khép hờ. Tuấn A nhìn qua cửa sổ thì thấy có 04 người đang ngủ tại hai giường bệnh phía trong cùng, trên giường bệnh đặt sát cửa sổ không có người ngủ và có để 01 chiếc điện thoại di động Samsung Galaxy A10S màu đen. Chiếc điện thoại trên là của anh Dương Văn H, sinh năm 1972 trú tại Thôn N, xã H, huyện H. Tuấn A nhẹ nhàng mở cửa sổ, thò tay phải qua song sắt cửa sổ lấy chiếc điện thoại trên của anh H, dứt vào túi quần rồi nhanh chóng rời khỏi Trung

tâm Y tế huyện Hiệp Hòa. Ra khỏi Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa, Tuấn A tắt nguồn chiếc điện thoại trên, dùng que nhặt được ở bên đường tháo sim vứt đi rồi mang điện thoại về nhà ngủ. Đến khoảng 09 giờ ngày 06/4/2020, Tuấn A mang chiếc điện thoại đã trộm cắp được của anh H đến cửa hàng điện thoại “Hoàn Mỹ mobifone” ở Tổ dân phố số 2, thị trấn T, huyện H do anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979 trú tại Thôn V, Thị trấn T, huyện H làm chủ bán cho anh T được 1.700.000 đồng. Số tiền trên Tuấn A đã tiêu xài cá nhân hết. Ngày 09/4/2020, anh Nguyễn Văn T tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung galaxy A10S màu đen, số IMEI 1: 352123115380700/01, số IMEI 2: 352124114130778/01.

Ngày 25/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa nhận được đơn trình báo của anh Dương Văn N. Ngày 08/4/2020, Công an thị trấn T, huyện Hiệp Hòa nhận được đơn trình báo của chị Nguyễn Thị T, anh Dương Văn H và anh La Văn H. Ngày 09/4/2020, Vũ Tuấn A đến Công an thị trấn T, huyện Hiệp Hòa đầu thú và khai nhận các hành vi chiếm đoạt tài sản tại Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa. Cùng ngày, Công an thị trấn T, huyện Hiệp Hòa đã chuyển đổi tượng Vũ Tuấn A cùng các tài liệu có liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa để điều tra theo thẩm quyền. Quá trình ra đầu thú và tại Cơ quan điều tra, ngoài các hành vi chiếm đoạt tài sản như đã nêu trên, Vũ Tuấn A còn khai nhận ngày 10/3/2020, Vũ Tuấn A đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản là chiếc điện thoại Nokia 105 màu xanh tại buồng bệnh số 05 ở tầng 2 thuộc Khoa ngoại tổng hợp của Trung tâm Y tế huyện Hiệp Hòa. Sau khi trộm cắp chiếc điện thoại trên, Tuấn A đã mang đến cửa hàng điện thoại “T Huyền mobile” ở thôn H Thịnh, thị trấn T, huyện H do anh Dương Văn T, sinh năm 1990 trú tại Thôn N, xã N, huyện H làm chủ bán cho anh T được 150.000 đồng. Số tiền trên Tuấn A đã tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 09/4/2020, anh Dương Văn T, sinh năm 1990 trú tại Thôn N, xã N, huyện H tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số IMEI: 354185104345344; chiếc điện thoại này anh T mua của Tuấn A ngày 11/3/2020 với giá 150.000 đồng.

Ngày 31/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Yêu cầu định giá tài sản số 13/YCĐG định giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng. Ngày 14/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hiệp Hòa có Kết luận định giá số 11/KL-HĐĐG kết luận chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 plus màu hồng 128GB trị giá **5.500.000** đồng (Năm T năm trăm nghìn đồng).

Ngày 10/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Yêu cầu định giá tài sản số 17/YCĐG định giá 04 chiếc điện thoại di động Tuấn A chiếm đoạt được tại Trung T Y tế huyện Hiệp Hòa. Ngày 14/4/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hiệp Hòa có Kết luận định giá số

13/KL-HĐĐG kết luận tổng giá trị các tài sản Tuấn A chiếm đoạt trị giá **5.100.000** đồng (Năm T một trăm nghìn đồng) gồm:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, số IMEI 1: 354185104345344 trị giá 100.000 đồng;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng bạc, số IMEI: 354448060908186 trị giá 1.000.000 đồng;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S màu đen, số IMEI 1: 352123115380700/01, số IMEI 2: 352124114130778/01 trị giá 1.500.000 đồng;

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S màu hồng 16GB trị giá 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, Vũ Tuấn A đã thành khẩn khai nhận rõ các hành vi chiếm đoạt tài sản. Riêng hành vi chiếm đoạt chiếc điện thoại Nokia 105 màu xanh, tại Cơ quan điều tra, bị cáo đã thay đổi lời khai và khẳng định: Chiếc điện thoại trên Tuấn A có được là do anh Nguyễn Cao Q, sinh năm 1986 trú tại tổ dân phố số 1, thị trấn T, huyện H cho Tuấn A vào khoảng đầu tháng 3/2020. Ngày 11/3/2020, Cơ quan điều tra tiến hành làm việc với anh Nguyễn Cao Q, anh Q xác nhận sự việc trên là đúng. Ngày 11/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 27/QĐ trả lại anh Dương Văn T chiếc điện thoại Nokia 105 nêu trên.

Đối với anh Phạm Quang H: Khi Tuấn A nhờ mang chiếc điện thoại Iphone 7 plus màu hồng mà bị cáo chiếm đoạt được của anh N, anh H có hỏi Tuấn A nguồn gốc chiếc điện thoại nH Tuấn A không nói cho anh H biết chiếc điện thoại trên là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Đối với anh Nghiêm Xuân T: Ngày 15/02/2020, anh T có mua 01 chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus 128GB với giá 1.300.000 đồng; anh T không nhớ ai là người bán và cũng không biết chiếc điện thoại trên là do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Đối với anh Dương Văn T và anh Nguyễn Văn T: Khi mua những chiếc điện thoại do Tuấn A bán, anh T và anh T đều không biết đó là tài sản do Tuấn A phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét, xử lý.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa đã thu giữ được 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu trắng bạc, số IMEI: 354448060908186 của chị Nguyễn Thị T; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A10S màu đen, số IMEI 1: 352123115380700/01, số IMEI 2: 352124114130778/01 của anh Dương Văn H. Ngày 11/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hiệp Hòa ra Quyết định xử lý vật chứng số 27/QĐ trả lại cho chị T và anh Hòa. Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 6S màu hồng 16GB, sau khi mua của Tuấn A, anh Dương Văn T đã bán lại chiếc điện thoại trên cho một khách hàng không quen biết và

không nhớ rõ thời điểm bán nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Đối với chiếc điện thoại di động Iphone 7 plus màu hồng, số IMEI: 353818081995639, sau khi mua của khách, do không có mặt khóa màn hình và tài khoản Icloud nên anh Nghiêm Xuân T đã tháo chiếc điện thoại trên và bán các linh kiện của máy nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Nguyễn Thị T, anh Dương Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn T không có yêu cầu gì về dân sự. **Bị hại anh Dương Văn N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 5.500.000 đồng** (Năm triệu năm trăm nghìn đồng) và **anh La Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan **anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.700.000 đồng** (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Đến nay bị cáo chưa bồi thường cho anh N, anh H và anh T.

Từ hành vi trộm cắp tài sản; lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản nêu trên của bị cáo Vũ Tuấn A, tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS- HH ngày 16/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Vũ Tuấn A ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội “Trộm cắp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa công khai sơ thẩm, bị cáo thừa nhận đã có hành vi trộm cắp tài sản; lừa đảo chiếm đoạt tài sản và lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của các bị hại như cáo trạng truy tố. Bị cáo rất hối hận về việc làm của mình nên đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, đồng ý bồi thường về dân sự cho những bị hại và người liên quan trong vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Dương Văn N yêu cầu bị cáo **bồi thường số tiền 5.500.000 đồng** (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), **anh La Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), **anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.700.000 đồng** (Một triệu bảy trăm nghìn đồng); đối với chị Nguyễn Thị T, anh Dương Văn H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Văn T không có yêu cầu gì về dân sự. Các bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo về hình sự theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, theo điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các T tiết tặc nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Vũ Tuấn A phạm các tội: “Trộm cắp tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Vũ Tuấn A từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; từ 08 tháng tù đến 10 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; từ 07 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung của cả 03 tội từ 22 tháng tù đến 28 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 09/4/2020.

- Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Vũ Tuấn A phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được cho những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Bồi thường cho anh Dương Văn N **số tiền 5.500.000 đồng** (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), **bồi thường cho anh La Văn H số tiền 2.500.000 đồng** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), **bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.700.000 đồng** (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Vũ Tuấn A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 485.000đ (Bốn trăm tám mươi năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo và mức án do kiểm sát viên đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại Cơ quan điều tra về thời gian, địa điểm, quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Trong khoảng thời gian từ ngày 15/02/2020 đến ngày 05/4/2020, bị cáo đã thực hiện 04 hành vi chiếm đoạt tài sản. Cụ thể: Ngày 15/02/2020, lừa đảo chiếm đoạt tài sản của anh Dương Văn N, sinh năm 1989 trú tại Thôn A, xã H, huyện H với trị giá tài sản là **5.500.000** đồng (Năm triệu năm trăm nghìn đồng); Ngày 22/3/2020, lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của anh La Văn H, sinh năm 1976 ở Thôn C, xã X, huyện H với trị giá tài sản là **2.500.000** đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng); Ngày 26/3/2020, trộm cắp tài sản của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2002 trú tại Thôn N, xã N, huyện H; Ngày 05/4/2020, trộm cắp tài sản của anh Dương Văn H, sinh năm 1972 trú tại Thôn N, xã H, huyện Hiệp Hòa với tổng trị giá tài sản là **2.500.000** đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận cho bị cáo Vũ Tuấn A phạm tội Trộm cắp tài sản, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

- *Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Đối với tội Trộm cắp tài sản và tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản bị cáo không phải chịu T tiết tăng nặng nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và ra đầu thú theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây Hg mang dao động và làm bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục riêng và góp phần răn đe phòng ngừa chung. Xét về nhân thân: Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định và đã có 01 tiền án về hành vi Trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, đã bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích), nay lại có các hành vi chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, xét bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cũng cần xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần về hình phạt khi lượng hình.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Dương Văn N yêu cầu bị cáo **bồi thường số tiền 5.500.000 đồng** (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), **anh La Văn H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), **anh Nguyễn Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.700.000 đồng** (Một triệu bảy trăm nghìn đồng). Xét là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo yêu cầu nêu trên.

- *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Vũ Tuấn A phạm các tội: “Trộm cắp tài sản”, “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 174; điểm a khoản 1 Điều 175; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 (đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản); Điều 38; Điều 55 của Bộ luật hình sự; Điều 331; Điều 332, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt: Vũ Tuấn A **09 (Chín)** tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; **10 (Mười)** tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; **08 (Tám)** tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Tuấn A phải chấp hành hình phạt chung của cả 03 tội là **27 (Hai mươi bảy)** tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo 09/4/2020.

- *Về dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 589 của Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Vũ Tuấn A phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được cho những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cụ thể: Bồi thường cho anh Dương Văn N **số tiền 5.500.000 đồng** (Năm triệu năm trăm nghìn đồng), **bồi thường cho anh La Văn H số tiền 2.500.000 đồng** (Hai triệu năm trăm nghìn đồng), **bồi thường cho anh Nguyễn Văn T số tiền 1.700.000 đồng** (Một triệu bảy trăm nghìn đồng).

- *Về án phí*: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo Vũ Tuấn A phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 485.000đ (Bốn trăm tám mươi năm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo, bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an Hiệp Hòa.
- Chi cục THADS h. Hiệp Hòa;
- Lu hồ sơ vụ án.
- Bị cáo.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Toàn.